

CTCP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng (HSX: TCL)

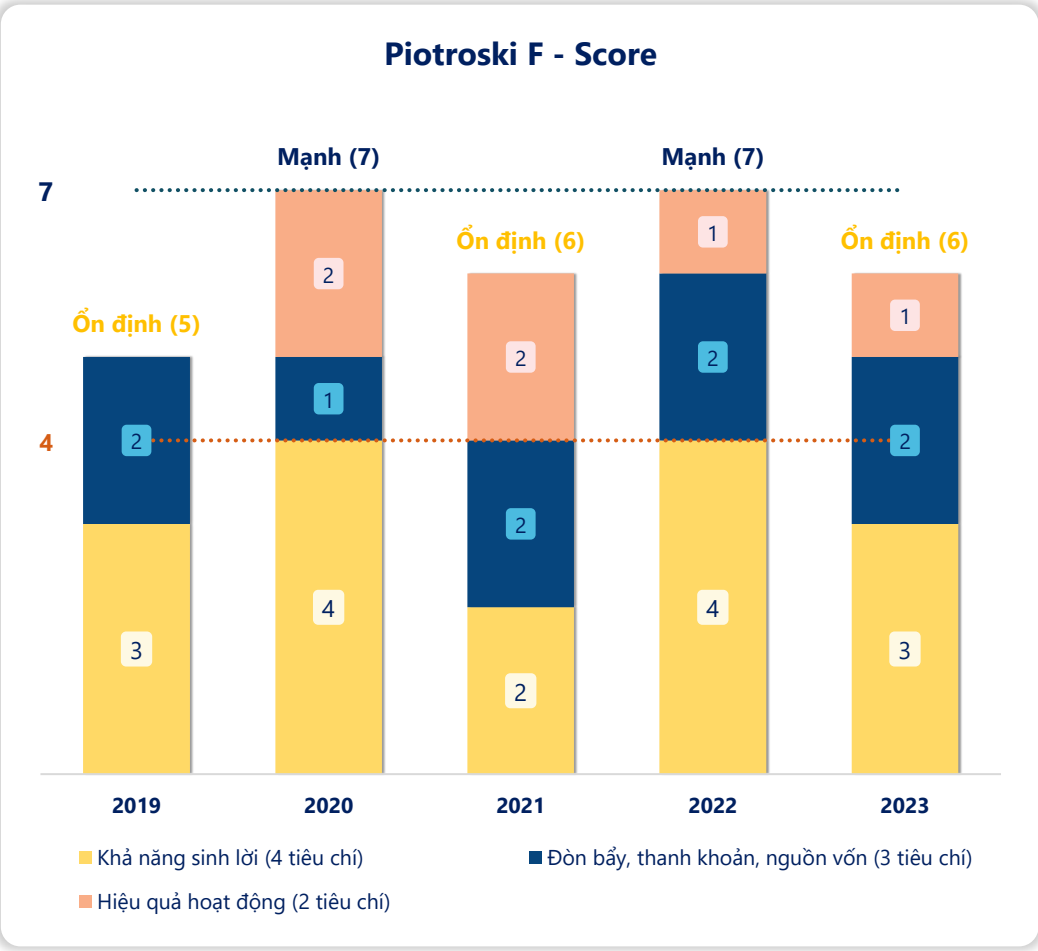
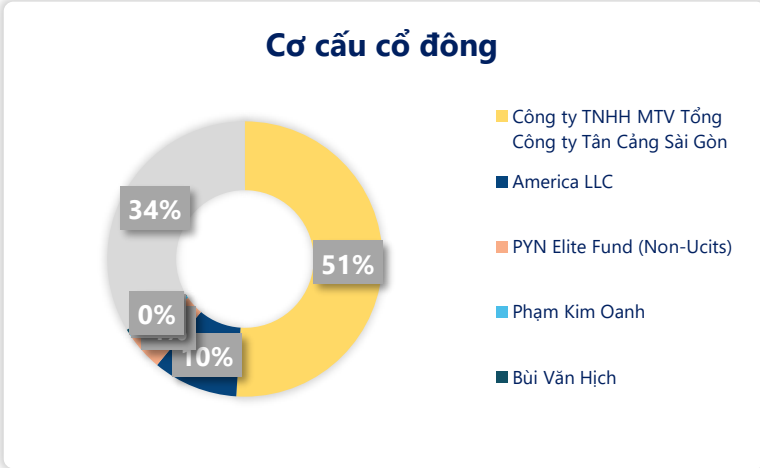
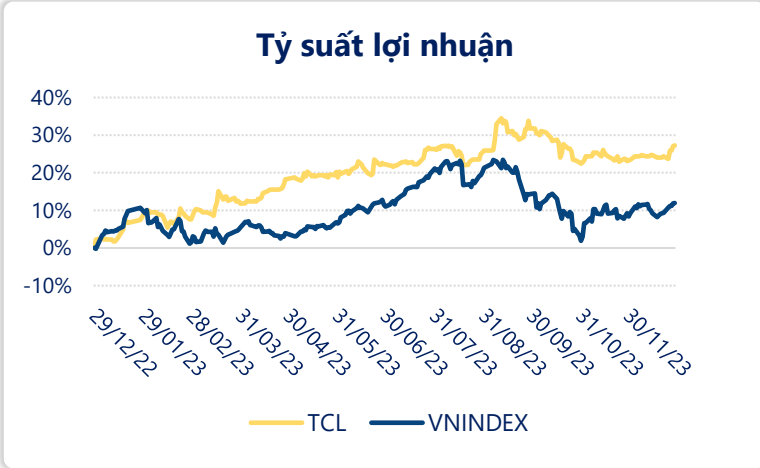
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	37,850 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.3%	-2.1%	4.4%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	6/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023
1,529	YoY
tỷ VNĐ	▲ 174
	▲ 12.9%

LN sau thuế	2023
134	YoY
tỷ VNĐ	▲ 9.00
	▲ 7.7%

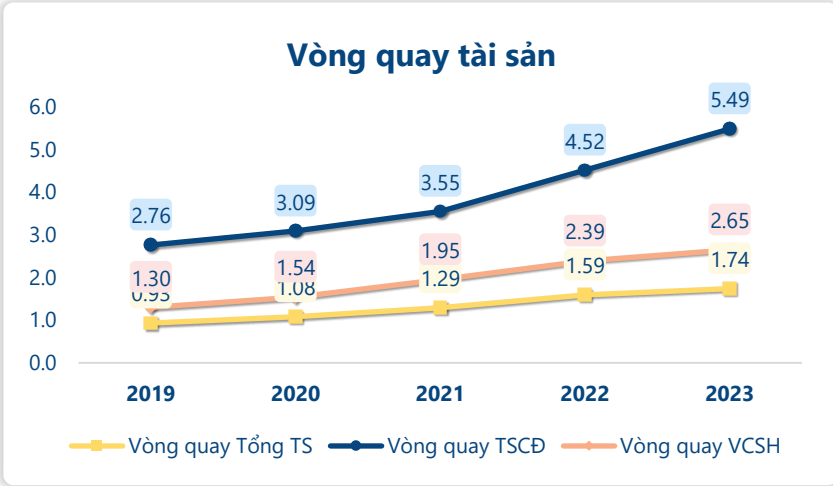
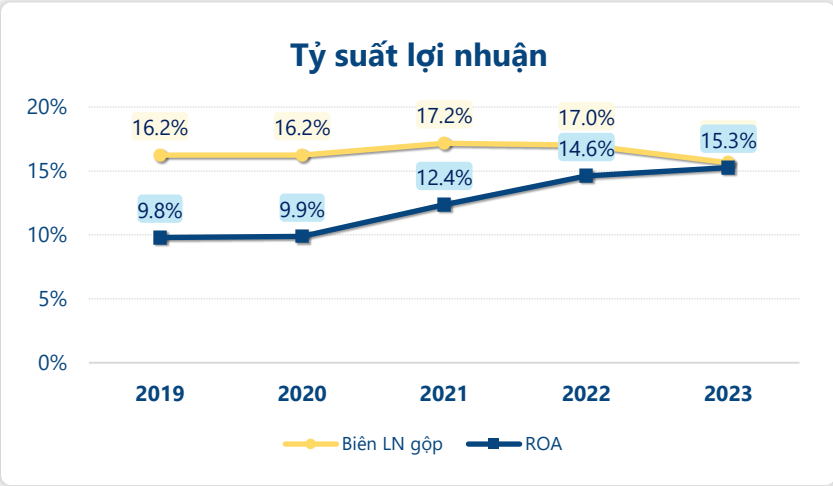
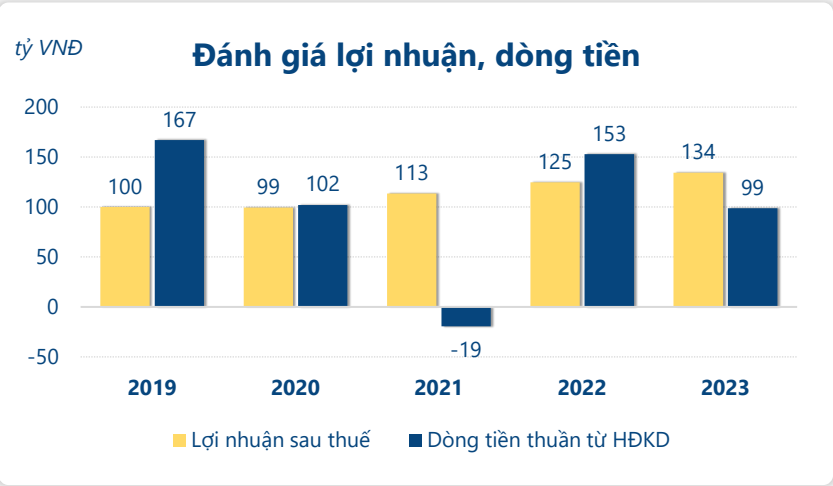


Năm 2023, F-Score của **TCL** đạt **6/9** thấp hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá xấu đi, thuộc vùng "**Ổn định**".

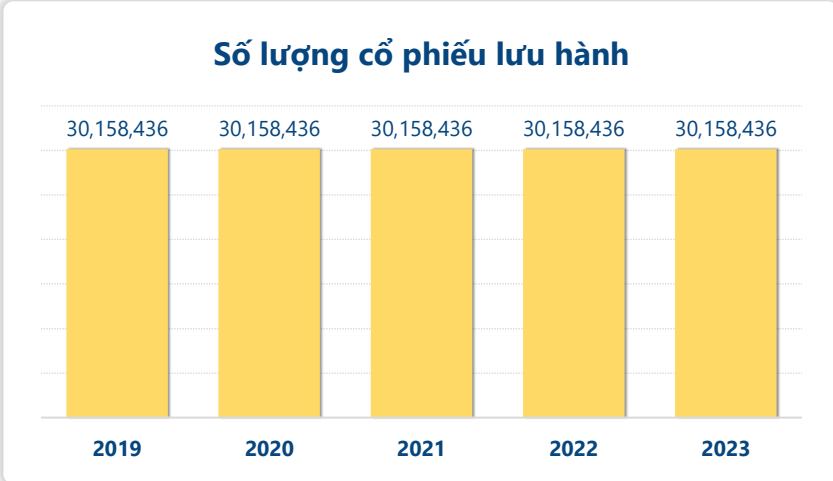
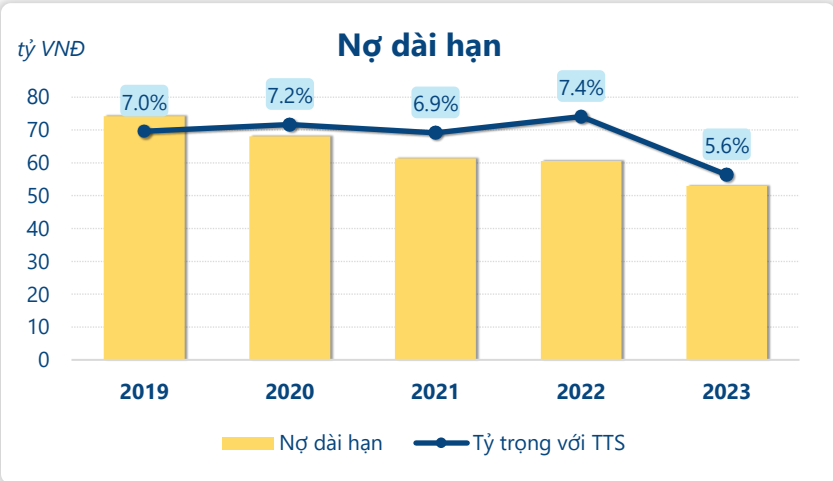
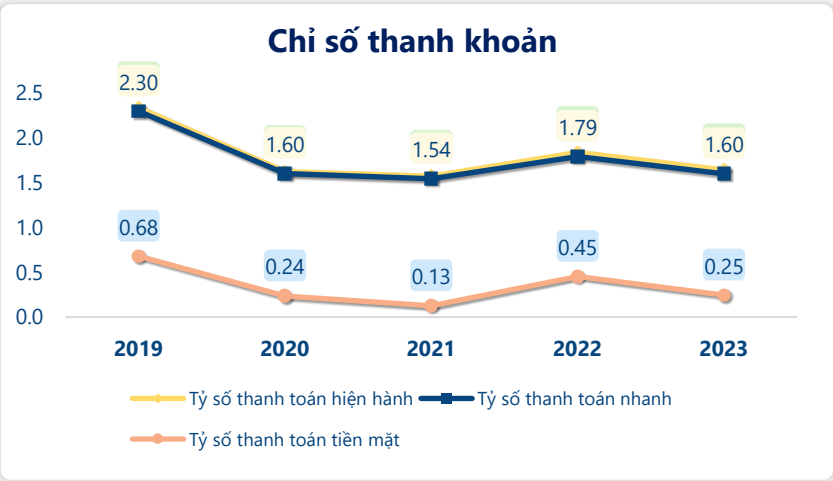
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **2/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng (HSX: TCL)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **TCL**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh nhỏ hơn lợi nhuận sau thuế cho thấy chất lượng lợi nhuận không được đánh giá cao nhưng 2 chỉ tiêu này đều dương nghĩa là công ty vẫn tạo ra lợi nhuận và có lượng tiền mặt để duy trì hoạt động. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	943	817	15.4%
Tài sản ngắn hạn	480	369	30.0%
Tiền và tương đương tiền	71.9	91.1	-21.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	138	92.0	50.0%
Phải thu ngắn hạn	254	175	45.5%
Hàng tồn kho	12.9	9.35	38.2%
Tài sản ngắn hạn khác	3.18	2.13	49.3%
Tài sản dài hạn	463	448	3.3%
Phải thu dài hạn	17.0	2.34	628%
Tài sản cố định	274	284	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.96	9.12	-67.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	138	142	-2.6%
Tài sản dài hạn khác	30.7	10.9	182%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	344	261	31.8%
Nợ ngắn hạn	291	201	45.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.25	7.25	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	166	97.6	70.3%
Nợ dài hạn	53.3	60.5	-12.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	9.06	16.3	-44.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	598	556	7.7%
Vốn chủ sở hữu	598	556	7.7%
Vốn điều lệ	302	302	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	952	1,090	1,186	1,355	1,529
Giá vốn hàng bán	797	913	982	1,124	1,290
Lợi nhuận gộp	155	177	204	231	239
Doanh thu HĐTC	17.3	16.6	10.0	8.29	17.5
Chi phí TC	2.46	2.17	1.53	1.24	1.03
Chi phí lãi vay	2.46	2.17	1.53	1.24	1.03
LN trong công ty LKLD	11.5	2.49	15.5	16.2	11.7
Chi phí bán hàng	9.57	10.9	25.2	33.1	35.2
Chi phí QLDN	50.5	61.1	61.8	67.8	70.2
LN thuần từ HĐKD	121	122	141	153	162
Lợi nhuận khác	0.81	0.31	-0.20	-0.04	2.03
LN trước thuế	122	122	140	153	164
Lợi nhuận sau thuế	99.9	100	113	125	134
LNST của CĐ cty mẹ	99.9	99.4	113	125	134

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	167	102	-19.3	153	98.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-102	-81.4	74.7	39.0	-45.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-50.9	-109	-81.8	-132	-73.3
Tiền đầu kỳ	131	146	57.6	31.2	91.1
Lưu chuyển tiền thuần	14.6	-88.2	-26.4	59.9	-20.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	146	57.6	31.2	91.1	71.1